

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 04/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn
2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 129/2023/TLST-HS ngày 01/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HS ngày 13/12/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T (T1), sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 04/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1958 và bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1972; bị cáo sống chung như vợ chồng với **Trịnh Thị Kim C**, sinh năm 1999 và có 01 người con chung sinh năm 2017.

Tiền án: Ngày 07/12/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, (Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/11/2022).

Tiền sự: Ngày 14/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở bắt buộc 18 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 08/QĐ-TA). Ngày 10/4/2023 bị **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “trộm cắp tài sản” (Quyết định Số 61/QĐ-XPHC). Ngày 02/5/2023 bị **Công an huyện M** ra quyết định xử phạt 6.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”(Quyết định Số 45/QĐ-XPHC).

Nhân thân: Ngày 09/6/2014 bị **Công an xã T, huyện M** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 375.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 16/QĐ-XPHC). Ngày 27/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm Số 46/2014/HSST). Ngày 29/3/2016 bị **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M** ra quyết định xử

phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 40/QĐ-XPHC). Ngày 12/8/2016 bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện M ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 24/QĐ-XPHC). Ngày 07/11/2016 bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện M ra quyết định áp dụng Biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 181/QĐ-UBND). Ngày 17/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện 24 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 09/QĐ-TA). Ngày 30/7/2020 bị Ủy ban nhân dân xã P, huyện M ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 136/QĐ-UBND). Ngày 29/12/2020 bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện M ra quyết định áp dụng Biện pháp giáo dục tại xã 03 tháng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định Số 248/QĐ-UBND). Ngày 16/11/2020 bị Công an huyện M ra quyết định xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “xâm hại sức khỏe người khác” (Tại Quyết định Số 158/QĐ-XPHC).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/9/2023, chuyển tạm giam ngày 24/9/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

Người làm chứng: Châu Văn S, sinh năm 2000; nơi cư trú: số B, ấp P, xã P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/9/2023, tại K đường V địa phận ấp B, xã B, thành phố B, Tổ tuần tra kiểm soát nồng độ cồn, ma túy Công an tỉnh B phát hiện Nguyễn Hoàng T điều khiển xe mô tô Biển số 60P2-0703 có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên lực lượng yêu cầu dừng xe để kiểm tra, phát hiện trong túi phía trước, bên phải của T đang mặc có 01 túi ny lon màu trắng, hàn kín bốn phía, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy. T khai 01 túi ny lon Lực lượng Công an phát hiện là ma túy, loại Methamphetamine của T mua ở khu vực gần Trạm thu phí Cầu R địa phận huyện C, tỉnh Bến Tre, giá 150.000 đồng đem về cất giấu để sử dụng. Lực lượng Công an tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (Một) túi ny lon màu trắng, hàn kín bốn phía bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 (Một) xe mô tô Biển số 60P2-0703, màu nâu, số máy: VHHLC150FMG00004406, số khung: không xác định được.

Nguyễn Hoàng T khai nhận: 01 túi ny lon hàn kín bốn phía, bên trong có chứa tinh thể màu trắng do lực lượng Công an thu giữ là ma túy, loại Methamphetamine của T, T mua của một người đàn ông tên B, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể với giá 150.000 đồng lúc 20 giờ 00 phút ngày 22/9/2023 tại khu vực gần Trạm thu phí Cầu R. Sau khi mua được ma túy, T điều khiển xe mô tô Biển số 60P2-0703 chạy về nhà ở xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và thu giữ ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 729/2023/KL-KTHS ngày 22/9/2023 của **Phòng K Công an tỉnh B** kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi ny lon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng 0,1602 gam.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với xe mô tô Biển số 60P2-0703 là phương tiện để **Nguyễn Hoàng T** vận chuyển ma túy do không rõ nguồn gốc nên không xem xét xử lý trong vụ án này. Đối với mẫu vật sau giám định có khối lượng 0,0693 gam, loại Methamphetamine là vật chứng và cũng là vật cấm nên tiếp tục tạm giữ để xử lý theo luật định.

Quá trình điều tra, **Nguyễn Hoàng T** đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 127/CT-VKSTPBT ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 đến 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định.

Đối với xe mô tô Biển số 60P2-0703 là phương tiện để **Nguyễn Hoàng T** vận chuyển ma túy do không rõ nguồn gốc nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng nhưng quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/9/2023, tại km 15 đường V địa phận ấp B, xã B, thành phố B, Nguyễn Hoàng T có hành vi tàng trữ trái phép 0,1602 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý mua và cất giấu 0,1602 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều lần bị kết án và bị xử lý vi phạm hành chính trong đó có 01 tiền án và 03 tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 01 tiền án nhưng lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định. Đối với xe mô tô biển số 60P2-0703 là phương tiện để Nguyễn Hoàng T vận chuyển ma túy do không rõ nguồn gốc nên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Hoàng T bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt và xử lý vật

chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hoàng T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì 729/2023 có chữ ký ghi tên **Nguyễn Ngọc M1**, **Phan Trung T2**, **Trần Duy C1** và hình dấu tròn màu đỏ của **Phòng K Công an tỉnh B**;

Giao 01 xe mô tô Biển số 60P2-0703, màu nâu, số máy: VHHLC150FMG00004406, số khung: không xác định được cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Hoàng T** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Thành An, H. MCB (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình